

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2020/HS-ST
Ngày: 08/01/20120

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Đình Hồng
2. Bà Đặng Thị Thỏ

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Tạ Anh D, sinh năm 1987; Tại: Xã N, huyện N; tỉnh T; Nơi cư trú: Xã N, huyện N, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Nguyễn Thị H sinh năm 1960, bố không xác định; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 16/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xử phạt 06 tháng tù giam về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh T theo Quyết định Thi hành án phạt tù ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T; Có mặt tại phiên tòa

Người bị hại: Ông Phạm Văn Đ - Sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, phường P, thị xã B, tỉnh T.

Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, phường P, thị xã B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2017, Tạ Ánh D , sinh năm 1987, trú tại thôn L , xã N , huyện N , tỉnh T có mối quan hệ quen biết với chị Thịnh Thị T , sinh năm 1972, trú tại khu phố 3, phường Đ , thị xã B , tỉnh T . Quá trình ở nhờ tại nhà của chị T , Tạ Ánh D biết vợ chồng ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị T trú tại khu phố 3, phường P , thị xã B đang có nhu cầu nhờ chị T xin việc cho con trai mình là anh Phạm Văn T vào làm việc tại công ty xi măng L thị xã B nhưng chị T không xin được. Do đó, Tạ Ánh D đã nảy sinh ý định lừa đảo gia đình ông Đ để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Để thực hiện ý định của mình, Tạ Ánh D đã nhờ chị Thịnh Thị T đưa đến nhà ông Phạm Văn Đ chơi. Tại đây, để tạo lòng tin với ông Đ và bà T , D đã nói dối là mình có quen biết với lãnh đạo công ty xi măng L. Nếu ông Đ và bà T cần nhờ thì D sẽ giúp xin việc cho anh Phạm Văn T vào làm việc tại công ty xi măng Long S , chi phí chỉ hết 6.000.000đ (sáu triệu đồng) để “làm bữa liên hoan”. Do đang có nhu cầu cần xin việc làm cho con trai của mình và tin tưởng Tạ Ánh D nên gia đình ông Đ đã đồng ý. Ngày 28/4/2017, ông Đ liên lạc báo đã chuẩn bị đủ tiền nên Tạ Ánh D đã đến nhà và trực tiếp nhận số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) từ ông Đ . Sau đó nói với ông Đ và bà T hướng dẫn con trai mình chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc theo mẫu chung, ghi rõ tên tuổi địa chỉ của Tạ Ánh D ra một tờ giấy nhỏ bỏ vào trong hồ sơ rồi mang đến Công ty xi măng L nộp thì sẽ được đi làm. Đến ngày 13/5/2017, D tiếp tục đến nhà ông Đ nói rằng không phải “làm bữa liên hoan” nữa mà đưa đủ số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) thì đến ngày 20/5/2017 anh Phạm Văn T sẽ có quyết định đi làm. Trước mắt đưa thêm 10.000.000đ (mười triệu đồng), còn 4.000.000đ (bốn triệu đồng) khi nào anh T đi làm thì đưa nốt. Ông Đ tin tưởng nên tiếp tục đưa thêm cho Tạ Ánh D 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Sau khi nhận tổng số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) của gia đình ông Đ , Tạ Ánh D đã dùng để tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 20/5/2017, không thấy con trai mình được gọi đi làm nên ông Điện đã nhiều lần liên lạc để hỏi Tạ Ánh D. Ngày 30/5/2017, Dương đã đến nhà ông Điện và trả lời không xin được việc cho anh Phạm Văn T và viết lại 01 (một) giấy khát nợ để làm tin, hẹn đến ngày 02/7/2017 sẽ trả lại số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng). Đến hẹn ngày 02/7/2017, không có tiền để trả cho gia đình ông Đ nên ngày 20/7/2017, D tiếp tục viết thêm 01 (một) giấy khát nợ, hẹn đến ngày 30/7/2017 sẽ trả tiền. Tuy nhiên, thời gian từ đó cho đến nay Tạ Ánh D không trả tiền cho gia đình ông Phạm Văn Đ. Ông Đ đã nhiều lần liên lạc và tìm gặp D nhưng không được nên đã làm đơn tố giác, đề nghị Cơ quan CSĐT điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định số 2270/PC09 ngày 08/10/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: Chữ viết phần nội dung đứng tên Tạ Ánh D

trên Giấy khất nợ tiền mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ viết đứng tên Tạ Ánh D trên mẫu so sánh (ký hiệu M) do cùng một người viết ra.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSBS ngày 24/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B , tỉnh T đã truy tố Tạ Ánh D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, p khoản 1 điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt Tạ Ánh D từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội : “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho gia đình ông Đ , bà T là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã B, Điều tra viên; Viện Kiểm sát thị xã B , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục và thời gian theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Tạ Ánh D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng đầu năm 2017, tại khu phố 3, phường P , thị xã B , tỉnh T , Tạ Ánh D đã nói dối mình có mối quan hệ thân quen với lãnh đạo công ty xi măng L , mục đích làm cho ông Đ bà T tin tưởng đưa tiền cho bị cáo bị cáo để xin việc cho con ông Đ , bà T vào công ty xi măng L . Sau khi nhận số tiền 16.000.000 đồng của ông Đ , bà T bị cáo đã sử dụng cho bản thân. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 điều 139 BLHS năm 1999. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:
Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, nên cần phải được xét xử nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng và có hai tình tiết giảm nhẹ là bị cáo đã tự nguyện khắc phục được một phần hậu quả, quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thật thà thành khẩn nên khi lượng hình được xem xét giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p khoản 1 điều 46 BLHS1999.

[5] về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, bản thân là một thanh niên có sức khỏe nhưng không chịu làm ăn chân chính mà lại lao vào con đường phạm tội lừa đảo tài sản của người khác. Xét thấy, cần thiết cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục là cần thiết. Đối với hình phạt 06(sáu) tháng tù của bản án số 48/2019/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2019, tính đến ngày 30/01/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt nên không tổng hợp hình phạt vào bản án này .

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), số tiền còn lại 10.000.000 đồng buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Đ và bà T .

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Tạ Ánh D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, p khoản 1 điều 46; điều 33 BLHS năm 1999. khoản 5 điều 275; khoản 1 điều 584; 586 và khoản 1 điều 589 BLDS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Tạ Ánh D : 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

-Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho gia đình ông Phạm Văn Đ bà Nguyễn Thị T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo không bồi thường cho gia đình ông Đ và bà T số tiền như trên (hoặc bồi thường không đầy đủ) thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả của khoản tiền còn phải thi hành án . Mức lãi suất bằng ½ mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS.

5. Về án phí: áp dụng khoản 2 điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, khoản 1 điều 23; khoản 3 điều 21 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH và điểm b mục 1.3 phần danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết số 326 ngày 30/10/2016 của UBTVQH buộc bị cáo Tạ Ánh D nộp án phí HSST là **200.000 đ** (hai trăm ngàn đồng) và 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại ông Đ, bà T, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/01/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Bỉm Sơn;
- Công an thị xã Bỉm Sơn;
- Thi hành án HS; dân sự;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Hương

